

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 5 - 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Th Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16/5/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 225/2021/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị H, anh H (chị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh H, vắng mặt không lý do).

(Thôn Lương nay là Thôn Lương Xưa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Nam Định ngày 02/10/1998. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chị và anh H thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Hai bên sống ly thân nhau từ khoảng 05 năm nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là Trần Văn Tr, sinh ngày 09/10/1999; Trần Phương Th, sinh ngày 19/6/2001 và Trần Công Th, sinh ngày 02/01/2010. Hiện nay cháu Tr, cháu Th đều đã trưởng Th, tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Th, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Giữa chị và anh H có tài sản chung nhưng chị có nguyện vọng tự thỏa thuận giải quyết nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tr hợp chị và anh H không thống nhất được thì chị sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh H đến làm việc nhưng anh H vắng mặt không lý do.

Tại Biên bản làm việc ngày 10/3/2022 với địa phương xã M thể hiện:

Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết theo đơn khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị H, khi địa phương nhận được Thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án thì địa phương đã giao trực tiếp cho anh Trần Văn H, anh H đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án cũng như địa phương tổng đạt. Tuy nhiên anh H không đến Tòa án cũng như lên trụ sở UBND xã Yên Minh làm việc theo giấy triệu tập, giấy mời của Tòa án cũng như của địa phương.

Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã M năm 1998. Quá trình chung sống giữa anh H và chị H có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng nguyên nhân là do anh H bị nghiện rượu, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con. Chị H nhiều lần bỏ đi vì anh H mỗi lần uống rượu lại có hành vi đánh đập chị H, chị H đã nhiều lần bỏ qua tuy nhiên anh H vẫn không có sự thay đổi. Về con chung: anh H và chị H có 03 con chung là Trần Văn Tr, sinh ngày 09/10/1999; Trần Phương Th, sinh ngày 19/6/2001 và Trần Công Th, sinh ngày 02/01/2010. Hiện nay cháu Tr, cháu Th đã trưởng Th, tự lập được. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị H cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định để giải quyết vụ án theo đúng pháp luật.

3. Về phía gia đình anh Trần Văn Tr là con trai của anh Trần Văn H cho biết: Hiện nay anh đang ở trực tiếp cùng bố tại thôn Lương Xưa xã Yên Minh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Khi mẹ anh có đơn ly hôn thì anh có thấy bố đã được Tòa án gửi Thông báo thụ lý, giấy triệu tập cũng như các giấy tờ có liên quan đến lịch làm việc. Tuy nhiên bố anh không lên Tòa án theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án cũng như giấy báo của UBND xã Yên Minh để giải quyết liên quan đến đơn xin ly hôn của mẹ. Anh xác định là phận con và đây là việc riêng của bố mẹ nên quan điểm đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

4. Trong đơn đề nghị của cháu Trần Công Th, sinh ngày 02/01/2010 trình bày nguyện vọng xin được ở cùng mẹ là chị Nguyễn Thị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, chị H có mặt, anh H vắng mặt. Chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị H xin giải quyết vắng mặt. Anh H mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị H đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử Th luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Công Th, sinh ngày 02/01/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh H mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 02/10/1998 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa anh, chị không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với anh H. Về phía anh H, mặc dù anh biết việc chị H xin ly hôn, đã được Tòa án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị H nữa. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng anh H vẫn vắng mặt. Chị H đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn anh H nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị H, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh H có 03 con chung là Trần Văn Tr, sinh ngày 09/10/1999; Trần Phương Th, sinh ngày 19/6/2001 và Trần Công Th, sinh ngày 02/01/2010. Việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa Th niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ. Hiện nay cháu Tr, cháu Th đều đã trưởng Th, tự lập. Xét thấy, cháu Th hiện đang trong giai đoạn phát triển tâm sinh lý cần sự chia sẻ, chăm sóc từ người mẹ, hơn nữa nguyện vọng của cháu cũng mong muốn được ở cùng với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng để cháu phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H, anh H không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Công Th, sinh ngày 02/01/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị H phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003520, ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong Tr hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Văn Anh